

Số: 7.48./TB-BV

Điện Bàn, ngày 11 tháng 12 năm 2024

THÔNG BÁO
Về việc mời chào giá mặt hàng Test nhanh xét nghiệm

Bệnh viện Đa khoa khu vực Quảng Nam có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá cho mua sắm Test nhanh xét nghiệm sử dụng tại Bệnh viện, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá:

- Bệnh viện Đa khoa khu vực Quảng Nam.

2. Thông tin liên hệ người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Phòng Văn thư, Bệnh viện Đa khoa khu vực Quảng Nam.

- Địa chỉ: 24 Lê Hữu Trác, phường Vĩnh Điện, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp/ đường bưu điện tại địa chỉ: Phòng Văn thư, Bệnh viện Đa khoa khu vực Quảng Nam. 24 Lê Hữu Trác, phường Vĩnh Điện, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam vào giờ hành chính các ngày trong tuần từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần.

4. Thời hạn nhận báo giá:

- Từ 15h00 ngày 12 tháng 12 năm 2024 đến trước 17h00 ngày 23 tháng 12 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá:

- Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 23 tháng 12 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hoá: (Phụ lục 1 đính kèm)

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản như sau:

- Địa điểm cung cấp: Bệnh viện Đa khoa khu vực Quảng Nam. Địa chỉ: 24 Lê Hữu Trác, phường Vĩnh Điện, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

- Hàng hóa được giao mới 100%, chưa qua sử dụng, được bảo quản và đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

3. Thời gian giao hàng dự kiến:

- Giao hàng thành nhiều đợt, theo nhu cầu của đơn vị, thời gian cung ứng

chậm nhất là 48 giờ sau khi nhận được dự trù của bên mua và đột xuất trong 24 giờ.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng: Không.
- Thời hạn thanh toán: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ chứng từ theo yêu cầu. Chứng từ thanh toán phải phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Hồ sơ báo giá bao gồm:

- a. Báo giá theo mẫu Phụ lục 2 đính kèm thông báo này.
- b. Các hãng sản xuất, nhà cung cấp phải đính kèm tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của mặt hàng báo giá (Bản giấy gửi trực tiếp về địa chỉ của bệnh viện quy định tại khoản 3 Mục I – Yêu cầu báo giá).
- c. Báo giá đựng trong một túi hồ sơ được niêm phong cẩn thận, bao gồm:
 - + 01 bản gốc báo giá, các tài liệu kèm theo để chứng minh tính năng thông số kỹ thuật...

+ File mềm báo giá của công ty có thể gửi qua địa chỉ mail:

dangthixuanminh100282@gmail.com

6. Yêu cầu khác:

Các tài liệu liên quan đến báo giá được gửi đến Phòng Văn thư, Bệnh viện Đa khoa khu vực Quảng Nam.

Địa chỉ: 24 Lê Hữu Trác, phường Vĩnh Điện, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

Mọi thông tin chi tiết xin liên hệ:

- DS. Đặng Thị Xuân Minh
- Số điện thoại: 0988.331.426

Ghi chú: Phía ngoài bì hồ sơ chào giá ghi rõ:

“Thư chào giá và không được mở trước 17h00 ngày 23 tháng 12 năm 2024”

Rất mong nhận được sự quan tâm của các công ty. / *M*

Nơi nhận:

- Các đơn vị cung cấp;
- Lưu: VT, KD.



GIÁM ĐỐC

Võ Thôi



PHỤ LỤC 1

DANH MỤC HÀNG HÓA ĐỀ NGHỊ BÁO GIÁ

(Kèm theo thư mời chào giá số: 7.48/TB-BV ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Bệnh viện Đa khoa khu vực Quảng Nam)

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn cơ bản	ĐVT	Số lượng
1	Test thử xét nghiệm định tính kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B	- Kháng nguyên bề mặt vi rút viêm gan B – vàng cộng hợp ($1.0 \pm 0.2 \mu\text{g}$); Màng nitrocellulose ($26 \pm 5.2 \times 4.0 \pm 0.8 \text{ mm}$) - Độ nhạy tương đối: 98.8%; Độ đặc hiệu tương đối: 99.4%. Độ lặp lại 100% - Giới hạn phát hiện: 30 mIU/mL - Phân loại C, D - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CFS, KGMP	Test	7.000
2	Test phát hiện kháng thể HAV	Độ nhạy: $\geq 96.0\%$, đạt chứng nhận ISO	Test	50
3	Test nhanh kháng thể HEV	Độ nhạy: $\geq 96.0\%$, đạt chứng nhận ISO	Test	50
4	Test nhanh HbeAg	Độ nhạy: $\geq 96.0\%$, đạt chứng nhận ISO	Test	100
5	Khay thử xét nghiệm định tính kháng nguyên dengue NS1	- Độ nhạy tương đối: 97.16%; Độ đặc hiệu tương đối: $> 99.9\%$. Độ lặp lại 100% - Giới hạn phát hiện: Huyết thanh tuýp 2,3,4 : $0.006125 \mu\text{g/ml}$, $0.00153125 \mu\text{g/ml}$, $0.006125 \mu\text{g/ml}$, dạng khay - Phân loại C, D - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CFS, KGMP	Test	4.000
6	Khay thử xét nghiệm định tính kháng thể HIV-1, HIV-2	- Sử dụng để phát hiện định tính kháng thể HIV-1 và/ hoặc HIV-2 trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương của người. Có dung dịch khai triển (buffer) đi kèm. - Thành phần: Vạch chứng (C): Streptavidin ($0.032 \sim 0.401 \mu\text{g}$); Vạch thử (T): Kháng nguyên HIV-1 GP41 tái tổ hợp ($0.048 \sim 0.321 \mu\text{g}$), Kháng nguyên HIV-2 GP36 tái tổ hợp ($0.016 \sim 0.120 \mu\text{g}$) - Độ nhạy: 99.9%; Độ đặc hiệu: 99.6%; Độ chính xác tương quan: 99.8%. - Thẻ tích mẫu sử dụng: 25 uL - Không có phản ứng chéo với HCG của phụ nữ mang thai, mẫu dương tính với HCV, Syphilis, mẫu dương tính với HBsAg+ và Lipid huyết. - Kit thử ổn định 77 ngày khi để ở nhiệt độ 45°C - Kích thước : $20.00 \pm 0.20 \text{ mm} \times 70.00 \pm 0.30 \text{ mm} \times 5.50 \pm 0.30 \text{ mm}$ - Dạng khay, HSD 24 tháng. - Giấy phép lưu hành do BYT phân loại D - Đạt chứng nhận ISO, FSC	Test	200
7	Khay thử xét nghiệm định tính kháng thể kháng HCV	- Định tính phát hiện các kháng thể kháng HCV trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Có sử dụng dung dịch đệm đi kèm - Độ nhạy 100%, độ đặc hiệu: 99.78%, độ chính xác: 99.85%. - Dạng khay. HSD 24 tháng. - Sản phẩm ổn định tại 45°C trong 150 ngày - Đã được xét nghiệm bằng mẫu phẩm chứa Ascorbic acid, Haemoglobin, Bilirubin, Gentsuric acid, 4-acetamidophenol, Acetylsalicylic acid, Caffeine, oxalic acid, uric acid, Albumin, Methanol, EDTA, Triglyceride và không quan sát thấy giao thoa trong những mẫu này. - Không có phản ứng chéo với SYP+, MONO+, HAV+, HBV+, HIV+, RF+, HP+, ALT+, CEA+ và HAMA+ tại phút 20. - Kích thước: $20.00 \pm 0.20 \text{ mm} \times 70.00 \pm 0.30 \text{ mm} \times 5.50 \pm 0.30 \text{ mm}$ - Giấy phép lưu hành do BYT phân loại D - Đạt chứng nhận ISO, CE, FSC	Test	200



STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn cơ bản	ĐVT	Số lượng
8	Que thử xét nghiệm định tính kháng thể IgG và IgM kháng Syphilis	- Định tính phát hiện các kháng thể IgG&IgM anti-TP trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương. - Thành phần: Vạch chứng (C): Streptavidin (0,161-0,963μg); Vạch thử (T): Kháng nguyên Syphilis (0,032-0,482μg); Cộng hợp vạch chứng C: Biotin (0,009-0,067μg); Cộng hợp vạch thử T: Kháng nguyên Syphilis (0,0004-0,001μg) - Độ nhạy 99.5%, độ đặc hiệu 99.8%, độ chính xác 99.7% - Ngưỡng phát hiện: ở ngưỡng pha loãng 1:1024 mẫu dương tính với gang mai - Dạng que, HSD 24 tháng - Kit thử ổn định 77 ngày khi để ở nhiệt độ 45°C - Kích thước 4.0.±0.1mm X 80.0±0.3mm - Giấy phép lưu hành do BYT phân loại C - Đạt chứng nhận ISO, CE, FSC	Test	500
9	Test nhanh RPR	Độ nhạy: ≥ 96.0%, đạt chứng nhận ISO	Test	250
10	Test nhanh bệnh tay chân miệng	Độ nhạy: ≥ 96.0%, đạt chứng nhận ISO	Test	50
11	Khay thử xét nghiệm định tính kháng thể kháng H.pylori	- Định tính kháng thể anti-H.pylori trong huyết thanh hay huyết tương ở người - Kháng nguyên Helicobacter pylori tinh khiết cao – vàng cộng hợp (1.0±0.2 μg) - Một ống dung dịch đệm chứa: Đệm Tris – HCl 50 mM (4 mL); Chất hoạt động bề mặt (40 mg); Natri azid (40 mg) - Dạng khay - Độ nhạy tương đối: 95.4%, độ đặc hiệu tương đối: 91%. Độ lặp lại 100% - Giới hạn phát hiện: 0.4515±0.1126 ratio - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CFS, KGMP	Test	50
12	Test nhanh nhồi máu cơ tim	Độ nhạy: ≥ 96.0%, đạt chứng nhận ISO	Test	5.000
13	Test ma túy 4 thành phần	- Phát hiện định tính nhóm các chất gây nghiện trong nước tiểu. - Ngưỡng phát hiện: + Morphine: 300 ng/ml + Amphetamine: 1000 ng/ml + Methamphetamine: 500 ng/ml + THC: 50 ng/ml - Độ nhạy: 99,8%. Độ đặc hiệu: 99,6% - Bảo quản nhiệt độ: 8-30 độ C. - Hạn dùng: 24 tháng, kể từ ngày sản xuất - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016 - Có chứng nhận chất lượng COA từ nhà sản xuất.	Test	2.400



PHỤ LỤC 2 MẪU BÁO GIÁ

(Đính kèm Yêu cầu báo giá số: 748/TB-BV ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Bệnh viện Đa khoa khu vực Quảng Nam)

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: Bệnh viện.....

Trên cơ sở Yêu cầu báo giá số ... /TB-BV ngày ... tháng ... năm ... của Bệnh viện....., chúng tôi ... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan:

STT	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/ khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1	..									
2	...									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ... ngày [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng ... năm ... [Ghi ngày ... tháng ... năm ... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục 1 – Yêu cầu báo giá]

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

..., ngày ... tháng ... năm ...

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp ⁽¹²⁾
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này.
- (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục” trong Bảng mô tả tại Phụ lục 1 – Yêu cầu báo giá.
- (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục” trong Bảng mô tả tại Phụ lục 1 – Yêu cầu báo giá.
- (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.
- (5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.
- (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Bảng mô tả tại Phụ lục 1 – Yêu cầu báo giá.
- (8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.
- (9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho

từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu. Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu vào báo giá.